

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2025/HS-ST
Ngày: 26/12/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Ngà

2. Bà V Thị Toan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

*** Bị cáo:** NGUYỄN TRUNG H, sinh năm 2001

Nơi cư trú: Thôn X, xã H, tỉnh H Yên; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V; Vợ con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 10/9/2025 đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn L, xã T, tỉnh Hưng Yên). Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Phạm Đức H, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, tỉnh Hưng Yên (Nơi ở hiện tại: Đường K, phường C, tỉnh Bắc Ninh).

- Anh Phạm Đình V, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, tỉnh Hưng Yên.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

*** Người làm chứng:**

- Anh Bùi Văn N, sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn L, xã H, tỉnh Hưng Yên

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985
Địa chỉ: Thôn U, xã Y, tỉnh Hưng Yên

- Anh Bùi H H, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn X, xã H, tỉnh Hưng Yên

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974
Địa chỉ: Thôn X, xã H, tỉnh Hưng Yên

- Ông Quách Văn L, sinh năm 1958
Địa chỉ: Thôn X, xã H, tỉnh Hưng Yên

(Anh H có mặt còn những người làm chứng khác vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/02/2025, Nguyễn Trung H đã bán chiếc xe mô tô của H (xe nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, đăng ký biển kiểm soát 89B2-149.49 mang tên Nguyễn Trung H) cho anh Phạm Đức H với giá 15.000.000 đồng. Việc H bán chiếc xe cho anh H có lập Giấy bán xe ghi ngày 25/02/2025, H ký tên người bán và có anh Phạm Đình V chứng kiến. Ngày 26/02/2025, H đã nhận đủ số tiền 15 triệu đồng của anh H và bàn giao cho anh H chiếc xe mô tô trên (không gắn Biển số, do H nói biển số xe đang trên Hà Nội), kèm bản chính Giấy đăng ký của xe và Giấy bán xe. Sau khi mua xe của H xong, anh H đã cho V mượn để sử dụng chiếc xe trên. H thấy V là người sử dụng chiếc xe này để đi lại nên ngày 03/3/2025 H đã hỏi V mượn lại chiếc xe trên để đi đám cưới, V đồng ý và giao cho H mượn chiếc xe và bản chính Giấy đăng ký xe để trong cốp xe.

Ngày 03/3/2025, sau khi đã sử dụng chiếc xe trên đi đám cưới về, do không có tiền tiêu sài cá nhân, nên H nảy sinh ý định lừa đảo, dùng thủ đoạn gian dối bán chiếc xe trên để chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Văn C, là chủ cửa hàng mua bán xe C có địa chỉ tại thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên (*nay là thôn P, xã H, tỉnh Hưng Yên*). H đã mang Giấy chứng nhận đăng ký xe đến quán Photo copy L của ông Quách Văn L, trú tại thôn X, xã H, tỉnh H Yên để thuê phô tô màu Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy biển kiểm soát 89B2-149.49. Sau đó H mang chiếc xe mô tô trên (không gắn biển số) đến Cửa hàng C, H nói dối với anh C “*Chiếc xe này hiện nay là của H*” và đưa bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên H ra bán chiếc xe trên cho anh C với giá là 10.000.000 đồng (*có Hợp đồng mua bán xe lập ngày 03/3/2025*). Ngay sau đó H lại ký hợp đồng thuê xe mô tô trên với anh C, giá thuê là 27.000 đồng/01 ngày, thời hạn thuê 30 ngày (*có Hợp đồng thuê xe lập ngày 03/3/2025*). Sau khi chiếm đoạt được số tiền 10.000.000 đồng của anh C, H đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 04/3/2025, H đã mang chiếc xe trên trả lại cho anh V (trong cốp xe H để bản phô

tô màu Giấy chứng nhận đăng ký xe). Sau đó H bỏ địa phương đi, không liên lạc với anh C. Anh V không biết việc H đã lừa bán xe cho anh C, nên ngày 19/5/2025 anh V đã đi chiếc xe trên đến cửa hàng C thì anh C nhận là xe của anh C và yêu cầu anh V xuất trình Giấy đăng ký xe. Anh V khẳng định đây là xe của anh H và anh V đưa cho anh C xem Giấy đăng ký xe do H để trong cốp xe. Anh C đã giữ lại chiếc xe cùng bản đăng ký phô tô và làm đơn tố cáo Nguyễn Trung H lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Anh C giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, màu đen (không gắn Biển số); 01 Hợp đồng mua bán xe mô tô, xe máy ngày 03/3/2025; 01 Hợp đồng thuê xe ngày 03/3/2025; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 89 020157, mang tên Nguyễn Trung H, cấp ngày 27/01/2022 (*ghi tên C, được niêm phong ký hiệu A1*); 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 89 020157, mang tên Nguyễn Trung H, cấp ngày 27/01/2022 (*ghi tên V, niêm phong ký hiệu A2*).

Ngày 06/6/2025, ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 (là bố của Nguyễn Trung H) giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 Hợp đồng mua bán xe ngày 25/02/2025.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐDGTS ngày 27/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tiên Lữ kết luận: *Giá trị của xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, màu đen, số khung: RLCUG1010NY354131, số máy: G3D4E1125168, xe không gắn biển kiểm soát là 28.000.000 đồng.*

Tại Bản kết luận giám định số 485/KL-PC09 ngày 20/6/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H Yên, kết luận: Đường vân tay dưới mục “BÊN B” trên tài liệu cần giám định (Hợp đồng mua bán xe máy ngày 25/02/2025, ký hiệu A1) và đường vân tay dưới mục “BÊN A” trên các tài liệu cần giám định (Hợp đồng mua bán xe mô tô, xe máy ngày 03/03/2025, ký hiệu A2 và Hợp đồng thuê xe ngày 03/03/2025, ký hiệu A3) so với đường V tay của Nguyễn Trung H trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2, M3) là do một người in ra.

Tại Bản kết luận giám định số 486/KL-KTHS ngày 20/6/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Trung H trên mẫu cần giám định (Hợp đồng mua bán xe máy ngày 25/02/2025, ký hiệu A1; Hợp đồng mua bán xe mô tô, xe máy ngày 03/03/2025, ký hiệu A2 và Hợp đồng thuê xe ngày 03/03/2025, ký hiệu A3) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Trung H trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người ký, viết ra.

Tại Kết luận giám định số 632/KL-KTHS ngày 29/7/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 89 020157, mang tên Nguyễn Trung H, cấp ngày 27/01/2022 (ký hiệu A1) là thật; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 89 020157, mang tên Nguyễn Trung H, cấp ngày 27/01/2022 (ký hiệu A2) là giả.

* Về thu giữ, quản lý đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, màu đen, số khung: RLCUG1010NY354131, số máy G3D4E1125168, (không gắn biển kiểm soát); 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 89 020157, mang tên Nguyễn Trung H, cấp ngày 27/01/2022; 01 Hợp đồng mua bán xe máy ngày 25/02/2025, kết quả xác minh là tài sản hợp pháp của anh Phạm Đức H, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H.

Đối với 01 hợp đồng mua bán xe mô tô, xe máy ngày 03/3/2025; 01 hợp đồng thuê xe ngày 03/3/2025; 01 bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 89 020157, mang tên Nguyễn Trung H, cấp ngày 27/01/2022 (niêm phong ký hiệu A2) được lưu theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo H và gia đình đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh C số tiền 10.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền thuê xe. Anh C đã nhận bồi thường và không yêu cầu, đề nghị về trách nhiệm dân sự.

Đối với việc H khai thuê ông Quách Văn L phô tô màu Giấy đăng ký xe mô tô mang tên H, tuy nhiên kết quả xác minh và lời khai của ông L không quen biết H và cũng không phô tô màu Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nào mang tên Nguyễn Trung H. Trong vụ án này, Nguyễn Trung H không sử dụng Giấy đăng ký xe phô tô để thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối với ông Quách Văn L và Nguyễn Trung H về hành vi làm giả hay sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Trung H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số: 37/CT-VKSKV1- Hưng Yên ngày 18/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 đã truy tố Nguyễn Trung H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Bị hại anh Nguyễn Văn C đã nhận đủ số tiền nêu trên, có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự, đồng thời không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ.

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.
- Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo tự bào chữa: Nhất trí với quyết định truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên xác định bị cáo phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại là ông Nguyễn Văn C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Đức H, anh Phạm Đình V và người những làm chứng như anh Bùi Văn N, Nguyễn Văn T, Bùi Hưng H, Nguyễn Văn H, Quách Văn L, các kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ động cơ mục đích tư lợi muốn có tiền tiêu sài, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối bằng lời nói với anh C để anh C tin chiếc xe mô tô BKS 89B2-149.49 là xe của bị cáo để bán cho anh C với giá 10.000.000 đồng, sau khi lấy được tiền bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết. Hành vi của bị cáo đã vi phạm Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như đã nêu trên là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Làm ảnh hưởng đến tình hình chính trị xã hội, trật tự trị an địa phương. Gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, bị cáo phạm tội độc lập và do lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi vi phạm pháp luật của mình gây ra. Do vậy, khi quyết định hình phạt HĐXX xem xét tuyên mức hình phạt nhất định tương

xứng và phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, để có tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội, bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước ở nơi làm việc và nơi cư trú. Bị cáo có nhân thân tốt. Không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ sức răn đe, giáo dục giúp bị cáo nhận ra lỗi lầm của mình, có cơ hội sửa chữa để trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Về khẩu trừ thu nhập: Do bị cáo làm nghề nghiệp tự do, không có thu nhập ổn định nên HĐXX miễn khẩu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong. Bị hại không yêu cầu, đề nghị gì. Xét đây là sự tự nguyện của bị cáo và bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về vật chứng của vụ án: - Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, màu đen, số khung: RLCUG1010NY354131, số máy G3D4E1125168, (không gắn biển kiểm soát); 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 89 020157, mang tên Nguyễn Trung H, cấp ngày 27/01/2022; 01 Hợp đồng mua bán xe máy ngày 25/02/2025, kết quả xác minh là tài sản hợp pháp của anh Phạm Đức H, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H. Việc xử lý các vật chứng trên của Cơ quan điều tra là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với 01 hợp đồng mua bán xe mô tô, xe máy ngày 03/3/2025; 01 hợp đồng thuê xe ngày 03/3/2025; 01 bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 89 020157, mang tên Nguyễn Trung H, cấp ngày 27/01/2022 (niêm phong ký hiệu A2) được lưu theo hồ sơ vụ án.

[7] Các vấn đề khác: Đối với việc H khai thuê ông Quách Văn L phô tô màu Giấy đăng ký xe mô tô mang tên H, tuy nhiên kết quả xác minh và lời khai của ông L không quen biết H và cũng không phô tô màu Giấy chứng nhận đăng ký xe

mô tô nào mang tên Nguyễn Trung H. Trong vụ án này, Nguyễn Trung H không sử dụng Giấy đăng ký xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối với ông Quách Văn L và Nguyễn Trung H về hành vi làm giả hay sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là đúng pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 174; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự;

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Hưng Yên nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho UBND xã H, tỉnh Hưng Yên giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với Nguyễn Trung H.

4. Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Trung H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo; vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Các đương sự
- VKSND KV1-H Yên
- Công an tỉnh H Yên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Phòng THADS KV1-H Yên
- UBND xã H, tỉnh H Yên
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THA

Nguyễn Minh Ngọc